

QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH ĐỀ ÁN “NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC
TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI,
GIẢI ĐOẠN 2024 - 2025”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật hình sự năm 2015; Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Kế hoạch số 1691/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị Định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2024-2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an, Bộ Tài chính (b/cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Trương Hải Long



ĐỀ ÁN

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI, GIAI ĐOẠN 2024 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 15/3/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

PHẦN THỨ NHẤT

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Đặc điểm tình hình, kết quả công tác tái hòa nhập cộng đồng hiện nay

a. Kết quả công tác tái hòa nhập cộng đồng

Tái hòa nhập cộng đồng (THNCD) đối với người chấp hành xong án phạt tù là hoạt động có ý nghĩa chính trị, xã hội, nhân văn sâu sắc, thể hiện bản chất nhân văn, nhân đạo của chế độ ta; được quy định trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và cụ thể hóa trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về THNCD (*sau đây viết tắt là Nghị định 49*) và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Đây là quá trình mà cả hệ thống chính trị, cộng đồng xã hội thực hiện tổng thể các biện pháp tác động, quản lý, giáo dục, giúp đỡ về cả vật chất và tinh thần nhằm động viên, khích lệ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú tại địa phương ăn năn, hối cải, tích cực học tập, lao động, rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình, xã hội; góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

Trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tính từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2023, tổng số người tái hòa nhập cộng đồng cư trú tại địa phương cần áp dụng biện pháp quản lý, giúp đỡ theo Nghị định số 49: 5.467 người, hiện nay đang quản lý: 1.829 người (nam: 1.734 người, nữ: 95 người). Tại mỗi thời điểm, số can phạm nhân đang giam giữ tại các cơ sở giam giữ thuộc Công an tỉnh là trên 1000 người, hàng năm số người THNCD tăng thêm khoảng 800-900 người, dự báo trong thời gian tới, số người THNCD hàng năm sẽ tiếp tục tăng cao gây khó khăn lớn cho công tác đảm bảo an ninh trật tự.

Trong 03 năm qua, số tái phạm: 218 người chiếm tỷ lệ 3,9% (218/5.467 người trong diện quản lý, gồm năm 2020: 81 người, năm 2021: 86 người, năm 2022: 67 người), số vi phạm pháp luật được áp dụng biện pháp cưỡng chế khác là 18 người (đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc). Số được hỗ trợ đào tạo nghề còn thấp (10 người, trình độ sơ cấp), số được tư vấn, giới thiệu việc làm: 175 người, số được các tổ chức, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tiếp nhận: 70 người, số được vay vốn, đào tạo nghề, tạo việc làm: 71 người với số tiền hơn 2 tỷ 680 triệu đồng.

Trong số 1.829 người đang quản lý hiện nay, số có việc làm: 1.437 người (78,6%) nhưng không ổn định, số chưa có việc làm: 392 người (21,4%). Số gặp khó khăn khi THNCĐ, sống trong môi trường phức tạp về an ninh trật tự hoặc thiếu ý thức chấp hành pháp luật, cần phải tập trung áp dụng các biện pháp THNCĐ: 1.010 người, chiếm 55,22%; số chấp hành tương đối tốt và có kết quả hòa nhập cộng đồng tương đối khả quan chiếm 44,78%, cần tiếp tục các biện pháp tuyên truyền, động viên, giúp đỡ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 49 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác THNCĐ đối với người chấp hành xong án phạt tù cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai thời gian qua cho thấy, công tác THNCĐ đã được hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, các sở ban ngành và nhân dân ngày một quan tâm hơn: Tỷ lệ người tái phạm tội hàng năm thấp (*trung bình 1,3%/năm*); số người được giới thiệu việc làm, được vay vốn đào tạo nghề hàng năm tăng cao; nhiều người đã có việc làm, thu nhập ổn định đủ nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình; sự quan tâm, nhìn nhận, đánh giá của xã hội đối với người trong diện THNCĐ cởi mở hơn. Bản thân người THNCĐ cũng tự tin, bớt mặc cảm.

Tuy nhiên so với yêu cầu và thực tiễn đòi hỏi thì còn nhiều hạn chế, tỷ lệ người THNCĐ chưa có công ăn việc làm ổn định, cần tập trung các biện pháp quản lý còn cao (55,22%) tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái phạm gây phức tạp về an ninh trật tự; tâm lý kỳ thị, xa lánh của xã hội vẫn còn; kinh phí dành cho công tác THNCĐ chưa có, vốn hỗ trợ đào tạo nghề cũng như vốn vay phát triển kinh tế cho người tái hòa nhập còn rất hạn chế.

Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp và các ban, ngành, hội ở địa phương còn mang tính hình thức, chủ yếu thể hiện ở hồ sơ, ban hành văn bản nên hiệu quả rất hạn chế; công tác bồi dưỡng, đào tạo nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm cho người THNCĐ chưa có chuyển biến rõ nét; các mô hình về THNCĐ do chính quyền xây dựng còn tự phát, manh mún và thiếu nguồn lực, do đó hiệu quả không cao...

b. Tổ chức bộ máy, biên chế của lực lượng làm công tác tái hòa nhập cộng đồng; kinh phí, phương tiện phục vụ công tác tái hòa nhập cộng đồng

- Tổ chức bộ máy của lực lượng chuyên trách làm công tác THNCĐ:

+ Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh là lực lượng nòng cốt triển khai thực hiện quản lý nhà nước về THNCĐ, được tổ chức thành 02 cấp:

* Cấp tỉnh: Do 01 Phó Giám đốc là Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh; 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, 01 Giám thị Trại tạm giam là Phó Thủ trưởng. Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác THNCĐ được bố trí tại phòng Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp và 1 bộ phận tại Trại tạm giam (Phân trại quản lý phạm nhân).

* Cấp huyện: Do 1 Phó Trưởng Công an huyện phụ trách thi hành án hình sự làm Thủ trưởng; 1 Đội trưởng Đội Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp làm Phó thủ trưởng. Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác THNCĐ được bố trí tại Đội Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

+ Công an cấp xã: 220/220 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã bố trí Công an xã chính quy, là lực lượng cơ sở trực tiếp tham mưu thực hiện toàn diện các mặt công tác THNCĐ trên địa bàn.

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân 2 cấp (tỉnh, huyện) đều bố trí cán bộ theo dõi công tác thi hành án hình sự, trong đó có công tác THNCĐ.

- Các Sở, ban, ngành, hội của tỉnh, UBND các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Nghị định 49, Kế hoạch 1691/KH-UBND, ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh, tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, giới thiệu việc làm, cảm hóa giáo dục, tư vấn pháp lý.

- Các tổ kiêm nhiệm tại các xã, phường, thị trấn, thôn làng tham gia cảm hóa, giáo dục, tạo công ăn việc làm cho người THNCĐ.

- Về kinh phí, phương tiện: Qua khảo sát, đánh giá nhìn chung kinh phí, phương tiện dành cho công tác THNCĐ còn rất hạn chế. Các lực lượng chuyên trách và kiêm nhiệm chủ yếu sử dụng phương tiện, máy móc phục vụ công tác chuyên môn khác để thực hiện công tác THNCĐ.

Đặc biệt nội dung công tác THNCĐ phải triển khai thực hiện rất nhiều, thường xuyên, liên tục, số người tham gia lớn, kéo dài nhiều năm nhưng đến nay chưa được UBND các cấp cấp kinh phí cho công tác này. Nguồn vốn tạo quỹ hỗ trợ người THNCĐ học nghề, vay vốn phát triển kinh tế...chưa có, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả, tiến độ, chất lượng công tác.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan: Gia Lai là tỉnh miền núi đất rộng người thưa, gần 68% dân số của tỉnh cư trú tại khu vực nông thôn, miền núi, nhận thức pháp luật và dân trí còn thấp, trong đó người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới 46,23%.

Người dân sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp là chủ yếu; sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ, hộ gia đình, nhu cầu sử dụng lao động thấp, nên việc đào tạo

nghề, giới thiệu việc làm gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, tình hình dịch bệnh, suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay tác động xấu đến sự phát triển kinh tế, xã hội, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng, gây khó khăn trong công tác giới thiệu, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người THNCĐ. Hành lang pháp lý cho công tác này chưa cụ thể, chưa có tính ràng buộc trách nhiệm rõ ràng.

- Nguyên nhân chủ quan: Sự vào cuộc của một số Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện trong việc thực hiện công tác bảo đảm THNCĐ theo chức năng, nhiệm vụ được giao được quy định tại nghị định 49 chưa thực sự quyết liệt, chưa coi trọng; công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành chưa thường xuyên mà chủ yếu là thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an; kinh phí để thực hiện công tác bảo đảm THNCĐ còn rất hạn chế, mới chỉ có kinh phí do Bộ Công an cấp, việc thanh, quyết toán còn gặp khó khăn.

- Ngoài những nguyên nhân trên, ý thức chấp hành pháp luật của một số người THNCĐ còn hạn chế, chưa tạo được lòng tin với cộng đồng, còn có tâm lý tự ti, ngại tiếp xúc với xã hội, dẫn đến chưa có việc làm ổn định; một số lười lao động không chủ động tìm kiếm việc làm để ổn định cuộc sống, khi được giới thiệu việc làm thì vi phạm quy định nơi làm việc, chưa tạo được niềm tin cho cộng đồng, xã hội về mong muốn hoàn lương của mình.

2. Sự cần thiết ban hành Đề án

Xuất phát từ thực trạng, nguyên nhân nêu trên, nhằm cụ thể hóa các đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao vai trò của công tác quản lý nhà nước về đảm bảo an ninh trật tự phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp và toàn xã hội để tạo chuyển biến rõ nét trong công tác THNCĐ, từ đó giúp người THNCĐ học nghề, tìm kiếm được việc làm, từng bước ổn định cuộc sống, ngăn ngừa tái phạm tội thì việc ban hành Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác THNCĐ trên địa bàn tỉnh Gia Lai” giai đoạn 2024 - 2025 (gọi tắt là Đề án) là rất cần thiết.

II. CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”.

2. Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

3. Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án.

4. Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 kèm theo Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp bảo đảm THNCĐ đối với người chấp hành xong án phạt tù.

6. Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về tăng cường công tác THNCĐ đối với người chấp hành xong án phạt tù cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

7. Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

8. Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự, về THNCĐ.

9. Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

10. Thông tư số 22/2021, ngày 22/02/2021 của Bộ Công an quy định trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong công tác THNCĐ.

11. Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

12. Thông tư 76/2018/TT-BTC, ngày 17/6/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn, nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong tình hình mới; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp bảo đảm THNCĐ đối với người chấp hành xong án phạt tù.

2. Tuân thủ các quy định của Luật Thi hành án hình sự; Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện; nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân; huy động được sức mạnh, nguồn lực của toàn xã hội, từ đó tạo chuyển biến rõ nét, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý, giáo dục giúp đỡ người THNCĐ trở về địa phương ổn định cuộc sống, THNCĐ; phòng, chống tái phạm tội, vi phạm pháp luật.

4. Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm tổ chức thực hiện công tác THNCĐ ở các địa phương trong cả nước, khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác THNCĐ trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, PHẠM VI, KINH PHÍ CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THNCĐ để hạn chế thấp nhất tái phạm tội, vi phạm pháp luật, góp phần thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Từng bước đưa công tác này thành việc làm thường xuyên, chặt chẽ, có hệ thống, đúng quy định của pháp luật, nâng cao tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam; nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước lĩnh vực an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Chỉ tiêu cụ thể hàng năm

a) Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị và trên 80% người dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền và nhận thức đầy đủ về công tác THNCĐ, có ý thức, trách nhiệm tham gia vào các hoạt động quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ.

b) 100% phạm nhân chấp hành án tại Trại tạm giam, Nhà tạm giữ thuộc Công an tỉnh được đào tạo nghề, định hướng nghề nghiệp và kỹ năng tìm kiếm việc làm, THNCĐ sau khi người THNCĐ về địa phương.

c) 100% người THNCĐ trở về địa phương được tiếp nhận và thực hiện quy trình quản lý, giáo dục, giúp đỡ; được tư vấn, trợ giúp về pháp lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý và cấp các giấy tờ có liên quan đến cá nhân; được quan tâm giới thiệu việc làm.

Số người THNCĐ đang quản lý có công việc, thu nhập ổn định chiếm từ 80% số trở lên, hàng năm có từ 30% đến 35% được bồi dưỡng, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm.

d) Giảm tỷ lệ tái phạm tội, vi phạm pháp luật hình sự trong số người THNCĐ hàng năm ở mức dưới 2%.

3. Kinh phí thực hiện Đề án

3.1. Kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: Kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo; nguồn đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác.

a) Căn cứ pháp lý

+ Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

+ Nghị định 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi hành án hình sự về THNCĐ.

+ Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

+ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

+ Thông Tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp về việc bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

+ Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức.

b) Dự toán kinh phí thực hiện Đề án

* Tổng dự toán: **3.634.000.000 đồng** (chi trong 02 năm 2024 và 2025).

* Nguồn kinh phí:

- Ngân sách Trung ương: 2.192.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.442.000.000 đồng, trong đó:

+ Năm 2024: 752.000.000 đồng;

+ Năm 2025: 690.000.000 đồng.

- *Danh mục chi: (có dự toán chi tiết hàng năm kèm theo).*

3.2. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lộ trình, tiến độ thực hiện Đề án hàng năm, giao Công an tỉnh (Cơ quan thi hành án hình sự) chủ trì lập dự toán, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

III. NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, UBND các cấp trong công tác quản lý nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng

- Các cấp ủy Đảng, UBND các cấp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan chuyên môn có liên quan nhằm phát huy tinh thần, trách nhiệm trong công tác THNCĐ.

Thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ công nhân viên chức về vai trò của công tác này trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Xem xét đưa các nội dung có liên quan vào tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên hàng năm.

- Có chính sách phù hợp để khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp tinh thần, vật chất cũng như tuyển dụng người THNCĐ vào làm việc.

- Tổ chức lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; nâng cao vai trò của người dân trong công tác giáo dục, cảm hóa người THNCĐ.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo bồi dưỡng

a) Nội dung tuyên truyền

- Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Quy định, Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác THNCĐ.

- Thông tin, sự kiện về tình hình thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng của các đơn vị, xã, phường, thị trấn; tuyên truyền nâng cao nhận thức, xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt, đối xử đối với người THNCĐ.

- Biện pháp, kinh nghiệm, mô hình, điển hình tiên tiến trong quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ hòa nhập cộng đồng.

- Nhân tố tích cực tham gia trong công tác THNCĐ và những gương hoàn lương, tiến bộ tiêu biểu.

- Các nội dung khác có liên quan đến công tác THNCĐ đối với người THNCĐ.

b) Các hoạt động tuyên truyền

- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng:

+ Tuyên truyền thông qua báo Gia Lai (bản giấy, bản điện tử), Cổng thông tin điện tử và các trang tin của UBND các cấp và các Sở, Ban, ngành liên quan; qua các trang tin trên địa bàn tỉnh, các mạng xã hội Zalo, Facebook...; mở chuyên trang, chuyên mục trên một số báo trung ương và của tỉnh.

+ Tuyên truyền trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: đưa tin về sự kiện, tin hoạt động; xây dựng tiểu phẩm phát thanh, truyền hình, xây dựng clip ngắn, phim tư liệu, phóng sự truyền hình để tuyên truyền.

+ Lập chuyên mục thông tin tổng hợp về THNCĐ tại Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Gia Lai để phổ biến quy định của pháp luật và phản ánh tình hình công tác THNCĐ tại các đơn vị, xã, phường, thị trấn; phổ biến kinh nghiệm xây dựng mô hình, cá nhân điển hình và tư vấn về THNCĐ đối với người chấp hành xong án phạt tù; tiếp nhận các ý kiến đóng góp của tổ chức, công dân.

- Tổ chức một số hoạt động tuyên truyền chung với một số tỉnh bạn nhằm nâng cao nhận thức tạo sự đồng thuận của xã hội và vận động, kêu gọi sự tham gia, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong công tác giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ hòa nhập cộng đồng.

- Thành lập mạng lưới tư vấn về tái hòa nhập cộng đồng tại Trại tạm giam và Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh để tư vấn cho phạm nhân và người THNCĐ.

- Truyền thông giáo dục, tư vấn về THNCĐ trong Trại tạm giam, Nhà tạm giữ bằng các hoạt động như:

+ Mở các đợt, hoạt động truyền thông nhân kỷ niệm các sự kiện lịch sử, ngày lễ lớn của dân tộc thông qua các hình thức như: Truyền thông giáo dục trên hệ thống phát thanh của cơ sở giam giữ; in sách tuyên truyền về một số nội dung cần biết khi THNCĐ, phân phát tài liệu, tờ rơi; tổ chức các buổi nghe nói chuyện, tọa đàm trao đổi, chiếu phim tư liệu, phóng sự,...

+ Lồng ghép công tác tuyên truyền pháp luật về THNCĐ với giáo dục pháp luật, giáo dục phòng chống ma túy; về HIV/AIDS; phổ biến một số kỹ năng sống; giải đáp pháp luật,.. sinh hoạt câu lạc bộ, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, viết báo tường,...

- Tổ chức một số hoạt động chỉ đạo điểm và nhân rộng mô hình, cách làm sáng tạo: xây dựng mô hình điểm, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm,...

- Tuyên truyền tại các thôn, làng, xã, phường, các tổ nhóm; tuyên truyền thông qua người có uy tín, chức sắc tôn giáo...

c) Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác tái hòa nhập cộng đồng

- Hàng năm, tổ chức tập huấn các quy định của pháp luật; các kỹ năng, nghiệp vụ về THNCĐ cho lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ở các đơn vị chức năng, từ tỉnh đến xã, thôn làng; nhất là đội ngũ cán bộ Công an các cấp, công an xã được giao trực tiếp quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ.

- Phối hợp nghiên cứu tham mưu các chủ trương, chính sách, các quy trình tái hòa nhập cộng đồng, các mô hình tiêu biểu, cách làm hay... để phổ biến, cấp phát cho các ngành, đoàn thể, cá nhân giúp nâng cao kỹ năng, hiệu quả công tác.

3. Bảo đảm các điều kiện cho phạm nhân tái hòa nhập cộng đồng

a) Khi tiếp nhận phạm nhân đến thi hành án phải tổ chức giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho phạm nhân, giúp họ thay đổi hành vi, tích cực cải tạo, chấp hành tốt nội quy và dạy văn hoá, xóa mù chữ đối với phạm nhân không biết chữ.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác THNCĐ; phân loại phạm nhân theo tính chất, mức độ, nhóm tội, độ tuổi, trình độ văn hóa, địa bàn cư trú... để tổ chức

quản lý, giáo dục, dạy văn hóa, dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất nhằm trang bị các điều kiện cần thiết cho phạm nhân khi THNCĐ.

c) Tổ chức các đợt tư vấn, trợ giúp về tâm lý, trong đó nội dung trọng tâm là chính sách đối với phạm nhân, quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án; các quy định về THNCĐ, thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp căn cước công dân, xóa án tích, cấp phiếu lý lịch tư pháp...

d) Tổ chức các hoạt động giáo dục, tư vấn, hỗ trợ các thủ tục pháp lý: Hai tháng trước khi phạm nhân hết thời hạn chấp hành án phạt tù, Trại tạm giam Công an tỉnh, Nhà tạm giữ Công an huyện, thành phố phối hợp với Hội liên hiệp thanh niên tỉnh, các Trung tâm dạy nghề, Hội Luật gia tỉnh, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh tổ chức giáo dục, hỗ trợ tư vấn về tâm lý, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng sống, kỹ năng tìm kiếm việc làm, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm bảo đảm THNCĐ.

e) Định hướng nghề nghiệp, nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm cho phạm nhân sắp THNCĐ: Công an tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đánh giá kết quả công tác đào tạo nghề của từng phạm nhân, căn cứ nhu cầu đào tạo nghề của phạm nhân và nhu cầu thị trường lao động để tổ chức các lớp đào tạo sơ cấp nghề và đào tạo nghề thường xuyên cho người có nhu cầu học nghề trước khi họ THNCĐ.

g) Thông báo thông tin của phạm nhân hết thời hạn chấp hành án phạt tù: Kết quả chấp hành án phạt tù, hình phạt bổ sung, bồi thường thiệt hại, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác mà phạm nhân phải chấp hành (*nếu có*); tình trạng sức khỏe, tâm lý, trình độ tay nghề được đào tạo và những thông tin cần thiết khác có liên quan đến phạm nhân cho UBND xã, phường, thị trấn biết để chủ động tiếp nhận và đề ra các biện pháp quản lý, giúp đỡ.

4. Nội dung quản lý, giáo dục, giúp đỡ người tái hòa nhập cộng đồng đến khi họ được xóa án tích

a) Nội dung quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ, bao gồm:

- Tổ chức tiếp nhận; thực hiện quy trình quản lý, giáo dục, giúp đỡ (phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý, giáo dục; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp căn cước công dân, xóa án tích, cấp phiếu lý lịch tư pháp); định kỳ phân loại để quản lý theo quy định của Bộ Công an; đề nghị đưa ra khỏi diện quản lý (sau khi được xóa án tích).

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương cũng như hoàn cảnh gia đình của từng người THNCĐ; kiên quyết bỏ cách làm hình thức để đi vào thực chất, đạt hiệu quả thực chất.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tư vấn, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý, giúp đỡ người THNCĐ chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; đối với người THNCĐ vi phạm phải kịp thời phát hiện và điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, đề nghị hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn từ các nguồn (*Quỹ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương hỗ trợ, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các quỹ tại địa phương*) tổ chức dạy nghề, giới thiệu việc làm cho người THNCĐ. Ngoài ra, tùy tình hình tại địa bàn, đề ra các chính sách để giúp đỡ người THNCĐ ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa tái phạm.

b) Dạy nghề, giải quyết việc làm cho người THNCĐ: Tổ chức dạy nghề phù hợp với điều kiện sức khỏe, nhu cầu lao động của địa phương để người THNCĐ có điều kiện tìm kiếm việc làm dễ dàng tại nơi cư trú.

c) Các biện pháp hỗ trợ hoạt động tái hòa nhập cộng đồng đối với người tái hòa nhập cộng đồng

- Căn cứ khả năng quỹ đất của địa phương, UBND tỉnh xem xét tạo điều kiện và giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động dạy nghề, tạo việc làm cho người THNCĐ được thuê đất, thuê nhà, cơ sở hạ tầng của nhà nước theo quy định của pháp luật để thành lập các cơ sở giúp đỡ người THNCĐ hòa nhập cộng đồng.

- Kêu gọi và tạo điều kiện cần thiết để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn, dạy nghề, giới thiệu và tiếp nhận người THNCĐ vào làm việc để có thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người tái hòa nhập cộng đồng được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

d) Phát hiện, xây dựng, nhân rộng các mô hình, cá nhân điển hình về tái hòa nhập cộng đồng đối với người tái hòa nhập cộng đồng

- Xây dựng quy trình chuẩn trong tổ chức, hoạt động mô hình THNCĐ trên toàn tỉnh.

- Phát huy những mô hình, cá nhân điển hình đã có, tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm và phát triển nhân rộng, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong việc phát hiện, xây dựng, củng cố mô hình, cá nhân điển hình về THNCĐ đối với người THNCĐ để nhân rộng.

5. Quan tâm kinh phí, phương tiện phục vụ công tác quản lý nhà nước

Hàng năm, UBND tỉnh căn cứ ngân sách được phân bổ để cấp kinh phí phục vụ công tác THNCĐ trên địa bàn đạt hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng được thụ hưởng

- Đối tượng được thụ hưởng trực tiếp: Người THNCĐ đang cư trú tại địa phương.

- Đối tượng được thụ hưởng gián tiếp:

+ Gia đình người THNCĐ, địa phương nơi người THNCĐ cư trú và mọi công dân Việt Nam.

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Hiệu quả kinh tế - xã hội

- Bản thân người THNCĐ có cuộc sống ổn định, làm ra của cải, vật chất nuôi sống bản thân và gia đình, góp phần vào ổn định kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; tác động tích cực qua lại với các ngành, lĩnh vực của cả nền kinh tế - xã hội của tỉnh, như thương mại, du lịch, giao thông, môi trường,...

- Tạo môi trường kinh doanh an toàn; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Giảm chi phí cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự do giảm tỷ lệ tái phạm tội và vi phạm pháp luật.

3. Tính bền vững của Đề án

Đề án được thực hiện phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phản ánh nhu cầu cấp bách và lâu dài của xã hội, mang lại sự ổn định đời sống của một bộ phận không nhỏ người THNCĐ về cư trú tại địa phương nên có tính bền vững cao. Thực hiện tốt các nội dung của Đề án sẽ góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu ổn định tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trong thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030.

PHẦN THỨ BA

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Lực lượng Công an các cấp

a) Công an tỉnh (Cơ quan Thi hành án hình sự)

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án; chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Đề án, nhằm tạo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; đề ra các giải pháp cụ thể tăng cường hiệu quả của Đề án.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo Công an các huyện, thành phố, Công an xã, phường, thị trấn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Đề án.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn công tác biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Nghị định số 49 và Đề án này. Phối hợp Sở Nội vụ trong xem xét, đánh giá trách nhiệm các tập thể, cá nhân trong thực hiện Đề án.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy trình, quy định về các điều kiện bảo đảm cho phạm nhân sắp THNCĐ và quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ.

- Chủ trì lập dự toán, gửi Sở tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Sử dụng kinh phí lập dự toán giao hàng năm để triển khai thực hiện Đề án; thanh toán, quyết toán các nội dung chi của Đề án theo quy định.

b) Công an cấp huyện

- Là cơ quan thường trực giúp UBND cùng cấp chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ về cư trú tại địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chức năng giúp tổ chức tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ; hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp xã quản lý, giáo dục và làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp căn cước công dân cho người THNCĐ.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, các nhà hảo tâm hỗ trợ vốn, giới thiệu việc làm cho người THNCĐ.

- Chỉ đạo Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện định kỳ hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp số liệu, tình hình, đánh giá nguyên nhân kết quả người THNCĐ hòa nhập cộng đồng, số người tái phạm tội và vi phạm pháp luật trong đơn vị địa phương mình quản lý, báo cáo Công an cấp tỉnh và UBND cùng cấp.

- Chỉ đạo Công an cấp xã tổ chức xây dựng, duy trì có hiệu quả hoạt động của các mô hình THNCĐ trên địa bàn huyện. Chủ động nhân rộng mô hình hay, cách làm tiêu biểu, các gương hoàn lương tiêu biểu trên địa bàn huyện.

c) Công an xã, phường, thị trấn

- Chủ động nắm tình hình, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi, quản lý, giáo dục và tạo điều kiện, giúp đỡ người THNCĐ ở địa phương, giải quyết khó khăn ổn định cuộc sống.

- Chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội phân công các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho người THNCĐ làm các thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp căn cước công dân và thủ tục xoá án tích khi có đủ điều kiện; lập danh sách đề nghị đưa ra khỏi diện quản lý, giáo dục đối với những người THNCĐ đã được xoá án tích theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND xã xây dựng, duy trì hoạt động hiệu quả các mô hình THNCĐ, các cách làm tiêu biểu, các gương hoàn lương tiêu biểu trên địa bàn.

- Định kỳ 06 tháng, 1 năm báo cáo tình hình, kết quả và đề xuất những vấn đề liên quan đến công tác quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ theo Đề án này.

- Quan tâm giúp đỡ, bảo đảm về an ninh, trật tự, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia việc giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề và tiếp nhận, giúp đỡ, tạo việc làm cho người THNCĐ.

- Thẩm định hồ sơ vay vốn của người THNCĐ, doanh nghiệp sử dụng lao động là người THNCĐ có đơn xin vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn theo quy định của pháp luật.

- Kịp thời lập hồ sơ đề nghị UBND cùng cấp quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người THNCĐ có hành vi vi phạm theo quy định.

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ; chủ động báo cáo UBND cùng cấp làm thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định xoá án tích trong trường hợp đặc biệt cho người THNCĐ có tiến bộ rõ rệt và đạt nhiều thành tích theo quy định.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chỉ đạo tiếp nhận, bố trí sử dụng và giải quyết chính sách đối với những người trước khi bị kết án tù là quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, giúp họ ổn định cuộc sống, THNCĐ.

b) Phối hợp với các Trại giam, Trại tạm giam của Bộ Quốc phòng hỗ trợ các hoạt động giáo dục, dạy nghề, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phạm nhân trước khi chấp hành xong hình phạt tù THNCĐ.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng kế hoạch tư vấn định hướng nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu, tạo việc làm cho phạm nhân sắp THNCĐ thuộc Phân trại quản lý phạm nhân trong Trại tạm giam, các Nhà tạm giữ thuộc Công an tỉnh và người THNCĐ về địa phương.

b) Chỉ đạo hướng dẫn, quan tâm và giúp đỡ cho các đối tượng thuộc Đề án

vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho những người THNCĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có ý chí vươn lên ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

c) Chỉ đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tư vấn học nghề và việc làm, định hướng nghề nghiệp; thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu và tổ chức giáo dục nghề nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm cho phạm nhân sắp THNCĐ và người THNCĐ trở về địa phương.

4. Sở Tư pháp

a) Cập nhật kịp thời thông tin lý lịch tư pháp và cấp phiếu lý lịch tư pháp cho người THNCĐ khi có yêu cầu, nhằm tạo điều kiện cho họ THNCĐ.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người mới THNCĐ để phòng ngừa tái phạm; trợ giúp pháp lý cho đối tượng này khi có nhu cầu.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các cơ quan liên quan, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan báo chí truyền thông, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông các huyện, thành phố tuyên truyền theo nội dung điểm 1 mục III phần thứ hai của Đề án.

6. Sở Tài chính

a) Thẩm định, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Xây dựng quy trình, quy định hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm THNCĐ và thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

7. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tham mưu thẩm định hồ sơ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Đề án THNCĐ đối với người THNCĐ trên địa bàn tỉnh, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh trong xem xét, đánh giá trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, hội, UBND các huyện, xã trong thực hiện Đề án. Tham mưu UBND tỉnh xem xét kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm trong thực hiện Đề án.

8. Cục Thi hành án dân sự tỉnh

a) Tạo điều kiện cho người chấp hành hình phạt tù thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự, xác nhận kết quả thi hành án khi có yêu cầu. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan thi hành án dân sự huyện, thành phố lập hồ sơ đề nghị xét, miễn giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với người THNCĐ khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể, tổ dân phố động viên người THNCD hoặc thân nhân của họ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự theo bản án của Tòa án nhân dân khi họ có điều kiện thi hành.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tạo điều kiện để người THNCD được thụ hưởng các chính sách, chương trình, dự án trong lĩnh vực nông lâm nghiệp nhằm hỗ trợ hộ nghèo; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan và chính quyền địa phương tham gia thực hiện các hạng mục của Đề án có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp; hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện cho người THNCD tham gia các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các mô hình phát triển sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế, theo đúng đối tượng quy định.

10. Các Sở, Ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc phối hợp thực hiện các biện pháp bảo đảm THNCD đối với người THNCD đạt hiệu quả cao.

11. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù để tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan về bố trí nguồn vốn cho vay từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm.

Phối hợp Công an tỉnh trong hướng dẫn, triển khai cho vay vốn đối với người THNCD theo quyết định trên và quy định của pháp luật; đảm bảo tạo hiệu quả và thay đổi, chuyển biến đáng kể trong tạo công ăn, việc làm cho người THNCD từ nguồn vốn vay.

Hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai cho vay vốn học nghề, sản xuất kinh doanh với lãi suất ưu đãi theo quy định của pháp luật đến đối tượng là những người THNCD, doanh nghiệp sử dụng lao động là người THNCD.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

a) Chủ động phối hợp với các sở, ngành của tỉnh vận động hội viên, đoàn viên và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tạo điều kiện giúp đỡ người THNCD tìm kiếm việc làm, nhằm tạo điều kiện cho họ ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

b) Phát động, hướng dẫn việc xây dựng các mô hình tái THNCD tại cơ sở; đồng thời chỉ đạo các tổ chức thành viên vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp vào nguồn kinh phí phục vụ cho công tác THNCD nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người THNCD có điều kiện tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống.

c) Hướng dẫn các hội, đoàn thể bảo lãnh cho người THNCD được vay vốn

từ Ngân hàng Chính sách xã hội và các quỹ ở địa phương để họ có điều kiện tham gia sản xuất, kinh doanh, có thu nhập nhằm ổn định cuộc sống.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 49; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo đúng tiến độ và có hiệu quả. Khảo sát, đánh giá hoạt động của các mô hình, cá nhân điển hình tiên tiến về THNCD để nhân rộng.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, UBND xã, phường, thị trấn tiếp nhận, quản lý, giáo dục và tạo điều kiện giúp đỡ người THNCD.

c) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp tổ chức dạy nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo; hướng dẫn hoạt động từ thiện, nhân đạo; bảo lãnh cho vay vốn, hỗ trợ vốn nhằm giúp người tái hòa nhập cộng đồng ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

14. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 49; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo đúng tiến độ và có hiệu quả.

b) Chỉ đạo Công an xã, các tổ chức đoàn thể, tổ chức tiếp nhận, phân công các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCD; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và vận động Nhân dân phối hợp chặt chẽ với gia đình quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCD; vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ tạo việc làm; làm thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt cho người THNCD; chỉ đạo Công an xã thẩm định hồ sơ, trực tiếp xác nhận đơn xin vay vốn của người THNCD từ Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định.

c) Xây dựng và duy trì hoạt động có hiệu quả ít nhất 1 mô hình THNCD. Chủ động biểu dương, khen thưởng các cá nhân hoàn lương tiêu biểu; các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác này.

15. Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, giáo dục, giúp đỡ người tái hòa nhập cộng đồng

a) Thường xuyên nắm tình hình hoạt động, tâm tư nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người THNCD để kịp thời phản ánh với cơ quan Công an, UBND xã, phường, thị trấn đôn đốc, nhắc nhở người THNCD chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương, tích cực tham gia các hoạt động chung tại cộng đồng dân cư.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan

trao đổi, thống nhất biện pháp giúp đỡ người THNCĐ tiếp tục học tập, tìm kiếm việc làm, giải quyết khó khăn, ổn định cuộc sống; kịp thời phát hiện, thông báo cho chính quyền và cơ quan chức năng ở địa phương về những biểu hiện, thái độ hành vi vi phạm của người THNCĐ để có biện pháp quản lý, giáo dục phù hợp và kịp thời xử lý vi phạm theo quy định.

16. Gia đình, người thân người tái hòa nhập cộng đồng

a) Quản lý, giáo dục, động viên, giúp đỡ người THNCĐ xóa bỏ mặc cảm; tích cực lao động, học tập và tham gia các hoạt động của xã hội nhằm ổn định cuộc sống; hỗ trợ, tạo điều kiện giúp người THNCĐ tiếp tục thực hiện đầy đủ các hình phạt bổ sung, án phí, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ dân sự khác (nếu có).

b) Phối hợp với chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội, các tổ chức, cá nhân và Nhân dân quản lý, giáo dục, giúp đỡ người THNCĐ; kịp thời phát hiện, thông báo, đề nghị chính quyền và các cơ quan chức năng theo dõi, xử lý những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người THNCĐ nhằm ngăn chặn, phòng ngừa tái phạm.

17. Đối với người tái hòa nhập cộng đồng

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật; chủ động hòa nhập cộng đồng, xóa bỏ mặc cảm, tự ti, vận động những người THNCĐ cùng chấp hành tốt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chủ động trao đổi với gia đình, chính quyền và các tổ chức, cá nhân ở địa phương về những tâm tư tình cảm, những vấn đề khó khăn vướng mắc về hồ sơ, việc làm, đề xuất những nội dung liên quan.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh Gia Lai từ tháng 01/2024 đến hết năm 2025.

Hàng năm xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các đơn vị, địa phương; sơ kết rút kinh nghiệm; kết thúc năm 2025 tiến hành tổng kết việc thực hiện Đề án, dự kiến các nội dung trọng tâm giai đoạn tiếp theo (2025-2030).

Giao Công an tỉnh (Cơ quan Thi hành án hình sự) là Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Đề án, có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối và kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện có hiệu quả Đề án; dự toán, phân bổ kinh phí và các nội dung khác của Đề án, sơ kết tổng kết việc thực hiện Đề án...

Quá trình thực hiện đề án, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các ngành, các cấp kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) để được chỉ đạo giải quyết./.



BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

Nâng cao hiệu quả công tác hoà nhập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2024 - 2025"
Ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Ngân sách Trung ương thực hiện 2023	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng kinh phí thực hiện Đề án	Cơ sở pháp lý đề xuất mức kinh phí hỗ trợ
	TỔNG CỘNG					690,000,000	2,192,000,000	1,442,000,000	3,634,000,000	- Điều 174 Luật Thi hành án hình sự năm 2019; CV số 2237/UBND-NC, ngày 10/10/2019 về triển khai thi hành Luật THAHS năm 2019;
I.	Năm 2024						1,207,000,000	752,000,000	1,959,000,000	- Điểm 2.7, khoản 2, Điều 11 và điểm 2.3, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP, ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;
1	Kinh phí mua sắm, trang bị máy tính, máy in phục vụ việc cập nhật, lưu trữ và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về công tác thi hành án hình sự (cho Công an 17 huyện, thị xã, thành phố, Trại tạm giam Công an tỉnh và cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp PH10 Công an tỉnh	Máy	26,000,000	19		442,000,000	52,000,000	494,000,000	- Điều 4, Điều 18, Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng. - Mục 5, Chi thị số 03/CT-UBND, ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh về tăng cường CT THNCĐ đối với người CHX APT trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2	Kinh phí phục vụ cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng									<ul style="list-style-type: none"> - Điều 9, Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ; - Mục 1, Chỉ thị số 33/CT-TTg, ngày 05/12/2018 của CP về tăng cường các BP bảo đảm THNCD; - Điểm c, khoản 2, Điều 2; điểm c, khoản 3 và điểm d, điểm e, khoản 4, Điều 4; khoản 10, 18, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí NSNN bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; - Điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 40/2023/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.
2.1	Tuyên truyền qua phương tiện thông tin truyền thông, trực quan (pano, áp phích, tờ rơi...)	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp các Sở, Ban, Ngành và Công an các đơn vị, địa phương		20,000,000	27	415,563,000	340,000,000	200,000,000	540,000,000	
2.2	Kinh phí tổ chức Hội nghị gặp mặt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Công an các đơn vị, địa phương	lần	10,000,000	17	50,870,000	-	170,000,000	170,000,000	

3	Kinh phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ, pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp UBND và Công an cấp huyện, thị xã, thành phố	Lớp	50,000,000	4	169,695,000	-	200,000,000	200,000,000	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 8, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014 của BTC và BTP; điểm d, khoản 2, Điều 3 Thông tư 40/2023/TT-BTC; - Mục 2, Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 10/01/2019 - Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; - Công văn số 3344 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 36/2018/TT-BTC/BCA-H01, ngày 25/12/2018 của Bộ Công an
4	Kinh phí thực hiện các biện pháp chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân ở các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam Công an tỉnh	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Trại tạm giam Công an tỉnh và các Nhà tạm giữ Công an cấp huyện	Lớp	25,000,000	4	19,000,000	-	100,000,000	100,000,000	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, Điều 6 Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ; - Điều 3, Điều 14 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP, ngày 09/11/2020 quy định thi hành một số điều của Luật THAHS

5	Kinh phí hỗ trợ hoạt động trợ giúp tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho người chấp hành xong án phạt tù	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương và các cơ quan liên quan	Người	150,000	900	19,372,000	135,000,000	-	135,000,000	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 10, Điều 12 Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ; - Mục 2, Chi thị 03/UBND, ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh; - Khoản 4, Điều 12 Thông tư 24/2018/BCA, ngày 31/7/2018 quy định về chế độ CTP, chế độ hội nghị trong CAND.
6	Kinh phí phục vụ công tác tiếp nhận hồ sơ, quản lý, giám sát, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Cơ quan THAHS Công an cấp huyện, thị xã, thành phố	hồ sơ	30,000	3,000		90,000,000	-	90,000,000	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 49/NĐ-CP; - Điều 9, Điều 11 Thông tư 22/2021/TT-BCA

7	Chi hỗ trợ xây dựng, duy trì hoạt động và nhân rộng của các mô hình điểm về tái hoà nhập cộng đồng, cá nhân điển hình tiên tiến, gương hoàn lương tiêu biểu	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Cơ quan THAHS Công an cấp huyện, thị xã, thành phố	Mô hình	10,000,000	17	15,500,000	170,000,000		-	170,000,000	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị số 33/CT-TTg, ngày 05/12/2018 và mục 1 Chỉ thị số 03/UBND về tăng cường các BP bảo đảm THNCĐ; - Khoản 5, Điều 20 Nghị định số 49/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư 22/2021/TT-BCA; - Khoản d, g, Điều 3 Thông tư số 40/2023/TT-BTC, ngày 09/6/2023 quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
8	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong công tác tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Hội Liên hiệp Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Hội nghị	10,000,000	2		20,000,000		-	20,000,000	<p>Chương trình phối hợp số 06/CTPH-TWH-BCA, ngày 03/11/2021 và Chương trình phối hợp số 16/CTPH BTG-C10-C11, ngày 22/9/2021</p>

9	Kinh phí trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cần thiết phục vụ cho công tác tư vấn, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho phạm nhân chuẩn bị chấp hành xong án phạt tù	Cơ quan Thi hành sự án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Trại tạm giam Công an tỉnh	lần	30,000,000	1			30,000,000	30,000,000	điểm b, khoản 3, Điều 5, Nghị định số 49/2020/NĐ-CP
10	Chi tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành sự án hình sự Công an cấp tỉnh	lần	5,000,000	2		10,000,000	-	10,000,000	- Mục 5, Chi thị số 03/CT-UBND, ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; - Điểm h, khoản 2, Điều 3 Thông tư 40/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ
II.	Năm 2025						985,000,000	690,000,000	1,675,000,000	
1	<i>Kinh phí phục vụ cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng</i>									- Điều 9, Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ.

1.1	Tuyên truyền qua phương tiện thông tin truyền thông, trực quan (pano, áp phích, tờ rơi...)	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp các Sở, Ban, Ngành và Công an các đơn vị, địa phương		20,000,000	27		340,000,000	200,000,000	540,000,000	- Điểm c, khoản 2, Điều 2; điểm c, khoản 3 và điểm d, điểm e, khoản 4, Điều 4; khoản 10, 18, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí NSNN bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.- Điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 40/2023/TT-BTC quy định về kinh phí phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ.
1.2	Kinh phí tổ chức Hội nghị gặp mặt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Công an các ĐV, ĐP	lần	10,000,000	17		-	170,000,000	170,000,000	
2	Kinh phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ, pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Lớp	50,000,000	4		-	200,000,000	200,000,000	- Khoản 8, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014 của BTC và BTP; điểm d, khoản 2, Điều 3 Thông tư 40/2023/TT-BTC; - Thông tư số 36/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; - Công văn số 3344 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 36/2018/TT-BTC/BCA-H01, ngày 25/12/2018 của BCA.

3	Kinh phí thực hiện các biện pháp chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân ở các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam Công an tỉnh	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Trại tạm giam Công an tỉnh	Lớp	25,000,000	4		-	100,000,000	100,000,000	- Điều 5, Điều 6 Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ; - Điều 3 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP, ngày 09/11/2020 quy định thi hành một số điều của Luật THAHS
4	Kinh phí hỗ trợ hoạt động trợ giúp tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý cho người chấp hành xong án phạt tù	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương	Người	150,000	900		135,000,000	-	135,000,000	Điều 10, Điều 12 Nghị định số 49/2020/NĐ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ; Khoản 4, Điều 12 Thông tư 24/2018/BCA, ngày 31/7/2018 quy định về chế độ CTP, chế độ hội nghị trong CAND.
5	Kinh phí phục vụ công tác tiếp nhận hồ sơ, quản lý, giám sát, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Cơ quan THAHS Công an cấp huyện, thị xã, thành phố	hồ sơ	30,000	3,000		90,000,000	-	90,000,000	- Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 49/NĐ-CP; - Điều 9, Điều 11 Thông tư 22/2021/TT-BCA

6	Chi hỗ trợ xây dựng, duy trì hoạt động và nhân rộng của các mô hình điểm về tái hoà nhập cộng đồng, cá nhân điển hình tiên tiến, gương hoàn lương tiêu biểu	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Cơ quan THAHS Công an cấp huyện, thị xã, thành phố	Mô hình	10,000,000	22		220,000,000	-	220,000,000	- Khoản 5, Điều 20 Nghị định số 49/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư 22/2021/TT-BCA; - Khoản d, g, Điều 3 Thông tư số 40/2023/TT-BTC, ngày 09/6/2023 quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
7	Kinh phí khác liên quan công tác tái hòa nhập cộng đồng như văn phòng phẩm, sửa chữa, thay thế trang thiết bị, máy móc...	Cơ quan Thi hành án hình sự CA cấp tỉnh phối hợp Cơ quan THAHS CA cấp huyện, thị xã, thành phố, Trại tạm giam		10,000,000	19		170,000,000	20,000,000	190,000,000	- Mục 5, Chi thị số 03/CT-UBND, ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; - Điểm i, khoản 2, Điều 3 Thông tư 40/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ
8	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong công tác tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp Hội Liên hiệp Thanh niên và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Hội nghị	10,000,000	2		20,000,000	-	20,000,000	Chương trình phối hợp số 06/CTPH-TWH-BCA, ngày 03/11/2021 và Chương trình phối hợp số 16/CTPH BTG-C10-C11, ngày 22/9/2021

9	Chi tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác tái hòa nhập cộng đồng	Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh	lần	5,000,000	2		10,000,000	-	10,000,000	- Điểm h, khoản 2, Điều 3 Thông tư 40/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng kinh phí xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ
---	---	--	-----	-----------	---	--	------------	---	------------	--